

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên khoáng sản và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên khoáng sản để tính thuế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 115/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Xét đề nghị của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giá tính thuế một số loại khoáng sản tại Phụ lục số 01 và bổ sung hệ số quy đổi tài nguyên khoáng sản tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên khoáng sản và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên khoáng sản để tính thuế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND); cụ thể như sau :

1. Giá tính thuế một số loại khoáng sản tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND được điều chỉnh lại như sau:

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Giá tính thuế (đồng)
I	Khoáng sản kim loại		
1	Quặng bauxit	Tấn	1.100.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đá:		
1.1	Đá lô ca khoan, bắn mìn	m ³	85.000
1.3	Đá 1x2	m ³	180.000
1.5	Đá 1x8	m ³	200.000
1.8	Đá mi, đá bụi	m ³	70.000
1.10	Đá khối các loại dùng sản xuất đá ốp lát	m ³	3.000.000
2	Đất		
2.2	Đất sét làm gạch, ngói	m ³	80.000
6	Cát		
6.1	Cát sông, suối bãi bồi	m ³	140.000

2. Bổ sung hệ số quy đổi tài nguyên khoáng sản tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND như sau:

2. Bảng hệ số quy đổi 01 m³ đá các loại ra 01 m³ đá loca

Số TT	Loại khoáng sản	Tỷ lệ quy đổi
1	Bột đá	1,176
2	Đá mi	1,176
3	Đá 0x2,5	1,176
4	Đá 0x4	1,111
5	Đá 0x6	1,111
6	Đá 1x1,8	1,250
7	Đá 1x2	1,250
8	Đá 1x2,5	1,250
9	Đá 2x4	1,176
10	Đá 2x6	1,111
11	Đá 5x7	1,111
12	Đá chẻ	1,000

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-g

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như điều 2;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến